

【生産終了】サークル型防舷材 CA型

性能

規格	ゴム質	反力 (kN)	吸収エネルギー (kN・m)	規格	ゴム質	反力 (kN)	吸収エネルギー (kN・m)
CA-16	V1	214	18.1	CA-111	V1	755	126
	V2	185	15.6		V2	657	108
	V3	139	11.7		V3	491	81.6
	V4	92.6	7.85		V4	328	54.3
CA-25	V1	292	28.3	CA-130	V1	824	147
	V2	253	24.4		V2	716	127
	V3	190	18.3		V3	540	95.6
	V4	127	12.2		V4	357	63.7
CA-40	V1	402	45.3	CA-160	V1	952	181
	V2	348	39.2		V2	824	157
	V3	262	29.4		V3	618	118
	V4	175	19.6		V4	412	78.6
CA-48	V1	452	54.3	CA-200	V1	1110	227
	V2	392	47		V2	961	196
	V3	294	35.3		V3	726	147
	V4	196	23.4		V4	481	98.1
CA-61	V1	540	69.1	CA-250	V1	1270	284
	V2	468	59.7		V2	1100	245
	V3	351	44.8		V3	824	183
	V4	234	29.8		V4	549	123
CA-80	V1	628	90.4	CA-310	V1	1460	351
	V2	549	78.3		V2	1270	304
	V3	408	58.8		V3	952	228
	V4	273	39.1		V4	638	152
CA-94	V1	697	106.0	CA-380	V1	1690	430
	V2	608	91.7		V2	1460	372
	V3	453	68.9		V3	1100	279
	V4	302	45.8		V4	736	185

※ 設計変位量 45%

※ 性能公差 反力 : +10%以下、吸収エネルギー : -10%以上